

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐẾN Số: 10558
Ngày: 26/9/22
Chuyên:
Số và Ký hiệu HS:

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 36-KL/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp trong tỉnh về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW. Nâng cao hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong tỉnh đối với công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Việc triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW phải được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị có liên quan đối với công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động; xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể theo Kết luận số 36-KL/TW của Bộ Chính trị phù hợp với đặc điểm, điều kiện, nhu cầu sử dụng nước của từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh.

II - MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC VÀ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA NƯỚC

Để bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

1.1 - Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ sinh hoạt cho người dân trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế quan trọng, thiết yếu; bảo đảm mọi người dân, mọi đối tượng được tiếp cận, sử dụng nước một cách công bằng, hợp lý. Chủ động tích trữ, điều hoà nguồn nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó hiệu quả với các rủi ro thiệt hại từ các thảm hoạ, thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

1.2 - Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Hoàn thành việc tích hợp quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến nước vào Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 95% hộ gia đình ở thành thị và 60% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; cung cấp nước ổn định cho sản xuất; tổ chức sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế đã được xác định trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025.

- Đến năm 2030: Cân đối đủ nước phục vụ cho sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng; 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình điều tiết, dâng nước, trữ nước trên 4 lưu vực sông lớn của tỉnh; hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng và vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước tỉnh Bình Định theo phương thức quản trị nguồn nước của quốc tế.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm các hộ gia đình ở nông thôn, miền núi, hải đảo được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm an ninh nguồn nước.

2. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu

2.1 - Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền về công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng bộ, nhân dân về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; phát huy vai trò giám sát của người dân, cộng đồng; vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động nhân dân quản lý, chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2.2 - Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

- Chủ động rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nguồn nước bảo đảm thống nhất, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với quy định; rà soát, thống nhất đơn vị quản lý, khai thác thủy lợi cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Chủ động thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án quan trọng, kết nối nguồn nước liên huyện; kết hợp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công để đầu tư xây dựng, nâng cấp đập, hồ chứa nước đa mục tiêu; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm.

- Thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước, kết nối nguồn nước và công trình bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, vật tư cho người dân các vùng khan hiếm nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, nhất là các lưu vực sông, suối, vùng sâu, vùng xa, khu vực đông dân cư. Bố trí đủ nguồn lực, trước hết là ngân sách tỉnh để nâng cấp, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước trước các mùa mưa lũ.

2.3 - Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thủy lợi, tài nguyên nước và điều tra cơ bản

- Sớm hoàn thành Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tích hợp quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai đề xuất xây dựng các dự án liên quan đến an ninh nguồn nước và đập, hồ chứa nước. Xây dựng và triển khai các đề án an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập; quản lý hạn; kế hoạch quản lý lũ trên các lưu vực sông Côn - Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang, Tam Quan để giải quyết các tác động cục bộ về hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước.

- Xác định nhu cầu dùng nước cho các ngành theo thời gian; khai thác hiệu quả số liệu điều tra cơ bản tài nguyên nước, giám sát, kiểm kê, đánh giá về năng lực kết cấu hạ tầng ngành nước, trữ lượng, chất lượng nguồn nước kịp thời cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nguồn nước, chuyển đổi số dữ liệu nguồn nước các công trình hồ chứa kết nối và chia sẻ dữ liệu đồng bộ, kịp thời giữa các ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong tỉnh.

2.4 - Chủ động tích trữ, điều hoà, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều nước; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, theo dõi, giám sát sử dụng nước

để giảm thất thoát, lãng phí nước trong sinh hoạt và sản xuất; tăng cường thực hiện các biện pháp sử dụng nước trong nông nghiệp tiết kiệm, hiệu quả. Triển khai các giải pháp bổ sung nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp tại các vùng khan hiếm nước, xâm nhập mặn, phù hợp với điều kiện nguồn nước.

Đầu tư xây dựng công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước cho vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu. Đầu tư khép kín, hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm chủ động trữ nước ngọt, điều hoà, phân phối nguồn nước trong tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước sạch nông thôn, đô thị, ưu tiên đầu tư cho khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo; thực hiện giải pháp tích trữ nước quy mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

2.5 - Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

- Hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng thoát lũ theo kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước, trong đó ưu tiên các công trình có nguy cơ rủi ro cao. Nghiên cứu đầu tư xây dựng mới các đập, hồ chứa nước, công trình điều tiết nguồn nước tại các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt để tích trữ nước, chuyển nước, ngăn mặn, cắt giảm lũ; nâng cấp, hiện đại hoá các công trình phòng, chống tác hại của nước, bảo đảm an toàn chống lũ, nước biển dâng kết hợp nhiệm vụ kiểm soát nguồn nước.

- rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của các đập, hồ chứa nước, sửa chữa nâng cấp đập kết hợp nạo vét bồi lắng lòng hồ, tăng dung tích phòng lũ của hồ chứa phù hợp. Hiện đại hoá hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn để phục vụ quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước theo thời gian thực. Tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập.

2.6 - Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

- Tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu, bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh trên địa bàn tỉnh. Tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện; hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ chứa nước.

- rà soát, nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, chú trọng mạng lưới trạm thủy văn chuyên dùng, hệ thống giám sát mặn; tiếp nhận và vận hành hệ thống cảnh báo động đất, sóng thần. Xây dựng, củng cố, nâng cấp

bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, thủy điện; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển.

2.7 - Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

- Ứng dụng vật liệu thân thiện với môi trường, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh phục vụ quản lý nguồn nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước. Chú trọng áp dụng thành tựu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để chủ động quản lý, điều tiết nguồn nước, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

- Ưu tiên ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước, phát triển, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, điều tiết, điều hòa, chuyển nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống hồ, đập và mạng lưới khí tượng thủy văn và hệ thống quan trắc, cảnh báo động đất, sóng thần; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chương trình khoa học công nghệ phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

2.8 - Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

- Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là rác thải, nước thải sinh hoạt, công nghiệp trên địa bàn tỉnh; cập nhật đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải.

- Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hoá chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ khai thác nước dưới đất ở khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn, vùng hạn chế khai thác; tăng cường sử dụng nước mặt. Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn; đẩy nhanh việc chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ trong các lưu vực hồ chứa; phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái ngập nước các vùng đầm trên địa bàn tỉnh.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tổ chức triển khai, quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các nội dung về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích; kiểm điểm trách nhiệm đối với người đứng đầu ở những nơi vi phạm về các nội dung bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát cơ chế chính sách và ban hành các văn bản cụ thể hóa các quy định của Pháp luật có liên quan để thực hiện. Có kế hoạch giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện các nhiệm vụ về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tiếp tục đổi mới hình thức tuyên truyền, đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động và giám sát việc thực hiện Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì hướng dẫn quán triệt, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền; phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân vận Tỉnh ủy theo dõi, đánh giá, báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kết luận số 36- KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 36- KL/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy (thông qua Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, }
- Văn phòng Trung ương Đảng, } (b/c)
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- CPVP, CVK7,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Hồ Quốc Dũng